

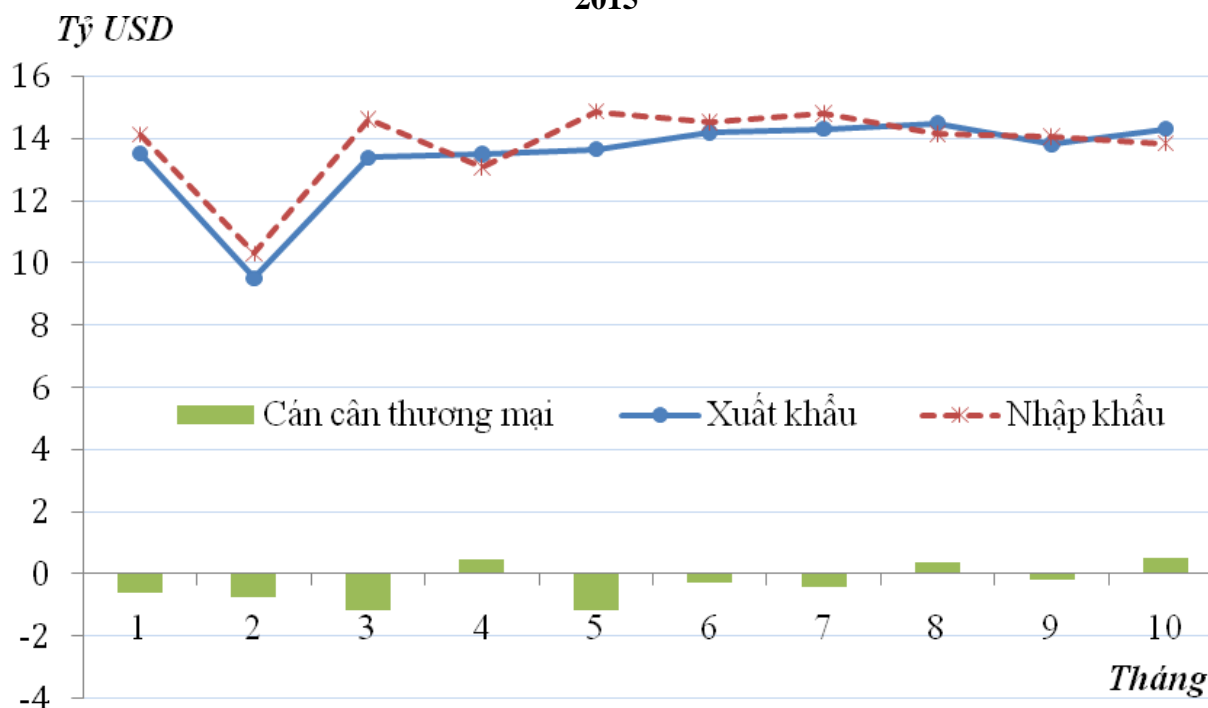
Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 10 và 10 tháng năm 2015

1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 10/2015 đạt gần 28,13 tỷ USD, tăng nhẹ 1% so với tháng trước; trong đó trị giá xuất khẩu là 14,31 tỷ USD, tăng 3,6% và trị giá nhập khẩu là 13,81 tỷ USD, giảm 1,6%. Trong tháng 10/2015, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu gần 500 triệu USD, là tháng xuất siêu thứ 3 trong năm 2015 và cũng là tháng có mức xuất siêu cao nhất tính từ đầu năm.

Trong 10 tháng/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt 272,4 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất hàng hóa đạt 134,41 tỷ USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 137,99 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tính đến hết tháng 10/2015, Cán cân thương mại hàng hóa cả nước vẫn thâm hụt 3,58 tỷ USD, ngược lại so với xu hướng thặng dư 2,71 tỷ của 10 tháng/2014.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2015



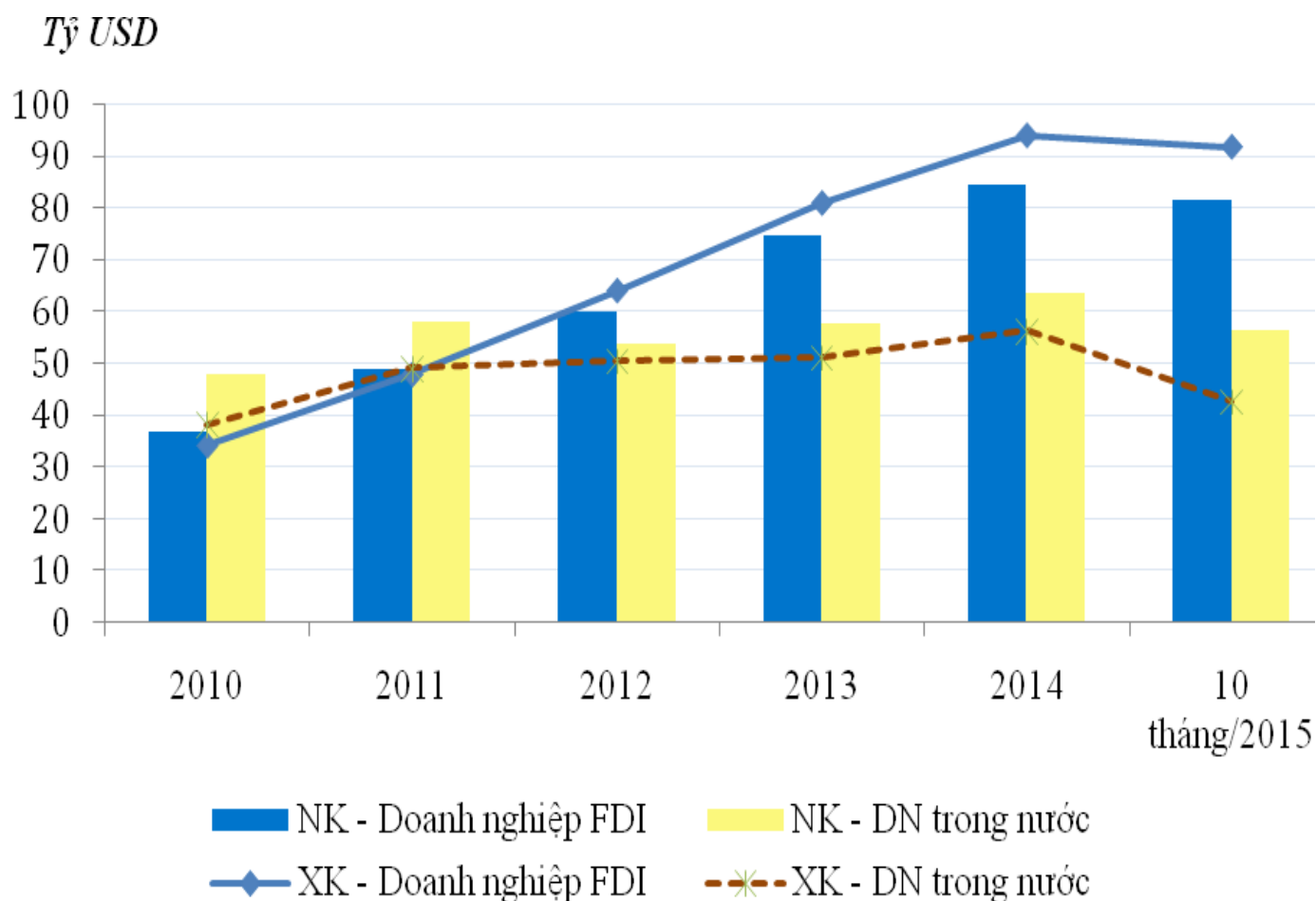
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. Xuất nhập khẩu theo loại hình doanh nghiệp

Tăng trưởng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của khối doanh nghiệp trong nước đều thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng của khối doanh nghiệp FDI.

Tổng trị giá xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong nước trong 10 tháng qua là gần 99,1 tỷ USD, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2014. Trong khi khối các doanh nghiệp FDI đạt tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tới 173,31 tỷ USD, tăng mạnh 18,9%.

Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu theo khối doanh nghiệp từ năm 2010-2014 và 10 tháng/2015



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 10 tháng đầu năm nay, xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước giảm tới 9,7% (kim ngạch là 42,65 tỷ USD) trong khi khối doanh nghiệp FDI vẫn tiếp tục có mức tăng trưởng tốt 19,4% và đạt kim ngạch là 91,76 tỷ USD. Nguyên nhân của sự khác biệt này một phần là do cơ cấu xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước tập trung vào hàng nông sản, nhiên liệu và khoáng sản. Đây là những nhóm hàng gặp nhiều khó khăn về giá cả và thị trường trong thời gian

qua. Trong khi đó, khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không ngừng tăng trưởng về quy mô và đẩy mạnh gia công, sản xuất hàng công nghiệp nhẹ, chế biến, lắp ráp.

Nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước trong 10 tháng qua cũng chỉ đạt 56,44 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, trong khi khối doanh nghiệp FDI là 81,55 tỷ và tăng 18,5%.

3. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

Kết thúc 10 tháng/2015, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với hầu hết các châu lục đều tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trừ Châu Đại Dương), trong đó tăng mạnh nhất ở Châu Mỹ (tăng 19,9%) và Châu Phi (tăng 13,9%).

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á 10 tháng/2015 đạt 176,27 tỷ USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2014 và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (64,7%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ đạt kim ngạch 45,97 tỷ USD, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước; với châu Âu đạt 38,75 tỷ USD, tăng 11,4%; châu Đại Dương đạt 4,89 tỷ USD, giảm 16,8%; châu Phi đạt 4,48 tỷ USD, tăng 13,9%.

4. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

Điện thoại các loại & linh kiện: xuất khẩu đạt 25,67 tỷ USD trong 10 tháng/2015 và đóng góp nhiều nhất vào phần tăng kim ngạch xuất khẩu.

Trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 10/2015 đạt 2,67 tỷ USD, giảm 5,7% so với tháng trước (tương ứng giảm gần 160 triệu USD), nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng/2015 lên 25,67 tỷ USD, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm 2014, đóng góp hơn 6 tỷ USD trong số 10 tỷ USD của phần tăng kim ngạch xuất khẩu.

EU là đối tác lớn nhất nhập khẩu nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện từ Việt Nam với trị giá đạt 8,55 tỷ USD, tăng 22,7% và chiếm 33,3% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là các thị trường: các Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 3,89 tỷ USD, tăng 24,6%; Hoa Kỳ: 2,28 tỷ USD, tăng 105,7%; Hồng Kông: 1,22 tỷ USD, tăng 75,8%; Hàn Quốc: 1,19 tỷ USD, tăng hơn 4 lần... so với cùng kỳ năm 2014.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: kim ngạch xuất khẩu trong tháng 10/2015 là 1,47 tỷ USD, tăng 8,2% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 12,81 tỷ USD, tăng 44,7%, trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,58 tỷ USD, tăng 51,3%, sang Hoa Kỳ: 2,34 tỷ USD, tăng 42,2%; Trung Quốc: 2,14 tỷ USD, tăng 23,1%; Hồng Kông: 1,43 tỷ USD, tăng 108,4%... so với cùng kỳ năm trước.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: trong tháng 10/2015, xuất khẩu đạt gần 774 triệu USD, tăng 9,5% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng/2015 lên 6,65 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 10/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ là 1,33 tỷ USD, tăng 26,5%; sang Nhật Bản: 1,16 tỷ USD, giảm 3%; sang Trung Quốc đạt gần 587 triệu USD, tăng 19,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hàng dệt may: xuất khẩu nhóm hàng dệt may trong tháng 10/2015 đạt gần 1,98 tỷ USD, giảm 7,4% so với tháng trước, qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng/2015 lên 18,95 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,51 tỷ USD, tăng 12,3%; sang EU đạt 2,8 tỷ USD, tăng 3,5%; sang Nhật Bản đạt 2,28 tỷ USD, tăng 5,6%. Như vậy, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang 3 thị trường trên đã chiếm tới 75% tổng trị giá xuất khẩu hàng dệt may của cả nước.

Giày dép các loại: kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 959 triệu USD, tăng 18,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 9,7 tỷ USD, tăng mạnh (17%) so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,34 tỷ USD, tăng 24,8% và chiếm 34,4% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,24 tỷ USD, tăng 12,6%; sang Trung Quốc đạt 611 triệu USD, tăng 43,4%; sang Nhật Bản đạt 489 triệu USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2014.

Xơ, sợi dệt các loại: xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt gần 80 nghìn tấn với trị giá gần 208 triệu USD, tăng 1,1% về lượng và 0,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt 796 nghìn tấn, tăng 12,9% và trị giá đạt 2,12 tỷ USD, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 10 tháng đầu năm 2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 412 nghìn tấn tăng 30,9%; sang Hàn Quốc đạt 60,4 nghìn tấn, tăng 7,9%, sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 79 nghìn tấn, giảm 13,3%... so với cùng kỳ năm 2014.

Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù: trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt gần 229 triệu USD, giảm nhẹ 0,4% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng/2015 lên gần 2,4 tỷ USD, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 10 tháng/2015 với hơn 1 tỷ USD, tăng 15,8% so với 10 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá 616 triệu USD, tăng 12,8%; Nhật Bản là 253 triệu USD, tăng 9,8% .

Gỗ & sản phẩm gỗ: xuất khẩu trong tháng đạt 634,5 triệu USD, tăng 12,6% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 10 tháng/2015 lên 5,54 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 10/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 2,15 tỷ USD, tăng 18%; sang Nhật Bản: 832 triệu USD tăng 5,1%; sang Trung Quốc: 740 triệu USD tương đương với mức xuất khẩu cùng kỳ năm 2014.

Dầu thô: kim ngạch xuất khẩu 10 tháng/2015 giảm 3,04 tỷ USD so với 10 tháng/2014.

Trong tháng, lượng xuất khẩu dầu thô là 761 nghìn tấn, tăng khá 10,4% so với tháng trước và trị giá đạt 276 triệu USD, tăng 11,4%. Tính đến hết tháng 10/2015, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt gần 7,7 triệu tấn, tăng nhẹ 1,2% và kim ngạch đạt 3,26 tỷ USD, giảm mạnh 48,3% (do đơn giá xuất khẩu bình quân trong 10 tháng/2015 giảm mạnh 48,9% so với cùng kỳ năm trước).

Dầu thô của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc: 1,47 triệu tấn, tăng 10,8%, sang Singapo: 1,36 triệu tấn, tăng 3 lần; sang Nhật Bản: 1,23 triệu tấn, giảm 27,2%; sang Malaixia: 1,29 triệu tấn, tăng 54,3% so với cùng kỳ năm 2014.

Than đá: lượng than đá xuất khẩu trong 10 tháng/2015 chỉ bằng gần $\frac{1}{4}$ cùng kỳ năm 2014 (tương ứng giảm 4,76 triệu tấn).

Lượng xuất khẩu than đá của cả nước trong tháng đạt 107 nghìn tấn, giảm 23,9% và trị giá đạt 11,42 triệu USD, giảm 22,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, cả nước xuất khẩu 1,53 triệu tấn, giảm mạnh 75,7% và trị giá là 162 triệu USD, giảm 65,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Gạo: xuất khẩu sang Indonexia sau gần 1 năm ở mức rất thấp đã được nối lại với lượng xuất khẩu lên tới 218 nghìn tấn trong tháng 10/2015 (9 tháng/2015 xuất khẩu sang thị trường này chỉ gần 17 nghìn tấn).

Dù đơn giá xuất khẩu tháng 10/2015 giảm so với tháng trước nhưng do lượng tăng mạnh (đạt 859 nghìn tấn, tăng 82,9%) nên trị giá xuất khẩu trong tháng đạt hơn 353 triệu USD, tăng 83,5% so với tháng 9/2015. Tính đến hết tháng 10/2015, lượng xuất khẩu gạo là 5,36 triệu tấn, giảm 3,9% và trị giá đạt 2,28 tỷ USD, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 10 tháng năm 2015, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 1,95 triệu tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 36% tổng lượng xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu gạo sang Philipin giảm mạnh 26,8% về lượng, đạt 919 nghìn tấn; tiếp theo là Malaixia: 476 nghìn tấn, tăng 11,5%; Ghana: 320 nghìn tấn, tăng 16,8%.

Cà phê: lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 10/2015 là 89 nghìn tấn, trị giá đạt 171 triệu USD, tăng 2,6% về lượng và tăng 2,5% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt hơn 1 triệu tấn, trị giá đạt 2,14 tỷ USD, giảm 29,3% về lượng và giảm 31,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2014.

Hàng thủy sản: có trị giá cao nhất kể từ đầu năm do tính thời vụ xuất khẩu.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 676 triệu USD, tăng 7,4% so với tháng trước và là tháng có kim ngạch cao nhất kể từ đầu năm. Tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu trong 10 tháng là 5,43 tỷ USD lại giảm 16,9% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 10 tháng/2015, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường chính đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,07 tỷ USD, giảm 25,2%; EU:

978 triệu USD, giảm 17,2%; Nhật Bản: 848 triệu USD, giảm 13,3%; Hàn Quốc: 160 triệu USD, giảm 13,6%...

5. Một số mặt hàng nhập khẩu chính

Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: trị giá nhập khẩu giảm so với tháng trước, nhưng 10 tháng/2015 vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2014.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,16 tỷ USD, giảm 4,2% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 10 tháng/2015 lên 22,92 tỷ USD, tăng mạnh 25,8% so với 10 tháng/2014. Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 14,45 tỷ USD, tăng 31,4% trong khi khối doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 8,47 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 10 tháng qua với trị giá là 7,43 tỷ USD, tăng 17,2%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 4,26 tỷ USD, tăng mạnh 67,1%; Nhật Bản: 3,87 tỷ USD, tăng 29,7%; Đài Loan: 1,2 tỷ USD, tăng 1,6%... so với cùng kỳ năm 2014.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: nhập khẩu trong tháng 10/2015 tuy có giảm so với tháng trước nhưng vẫn duy trì mức kim ngạch trên 2 tỷ USD/tháng.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,02 tỷ USD, giảm 6,1% so với tháng trước. Tính trong 10 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 19,35 tỷ USD, tăng 28,4%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 17,78 tỷ USD, tăng 29,7% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 1,57 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 5,72 tỷ USD, tăng 37,2%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 4,28 tỷ USD, tăng 15,3%; Nhật Bản: 1,9 tỷ USD, tăng 26,8%; Đài Loan: 1,79 tỷ USD, tăng mạnh 58,3%; Singapo: 1,62 tỷ USD, giảm 16,8%;... so với cùng kỳ năm 2014.

Điện thoại các loại và linh kiện: kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 978 triệu USD tăng 2,5% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 10 tháng/2015 lên 9,12 tỷ USD, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng đầu năm chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 5,86 tỷ USD, tăng 14%; Hàn Quốc đạt 2,65 tỷ USD, tăng 83,8%...so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại: nhập khẩu nhóm hàng này từ thị trường Trung Quốc tăng mạnh trong cả tháng 10 và 10 tháng của năm 2015

Nhập khẩu sắt thép của cả nước trong tháng 10 là 1,48 triệu tấn, trị giá là 577 triệu USD, tăng 16,9% về lượng và tăng 3,2% về trị giá so với tháng trước. Trong đó, nhập khẩu từ Trung Quốc trong tháng 10 là 965 nghìn tấn, tăng 25,5%.

Tính đến hết tháng 10/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 12,62 triệu tấn, tăng 34% về lượng. Đơn giá nhập khẩu sắt thép các loại bình quân trong 10 tháng/2015 giảm 25,2% nên trị giá nhập khẩu là 6,28 tỷ USD, chỉ tăng nhẹ 0,3% so với cùng kỳ năm 2014.

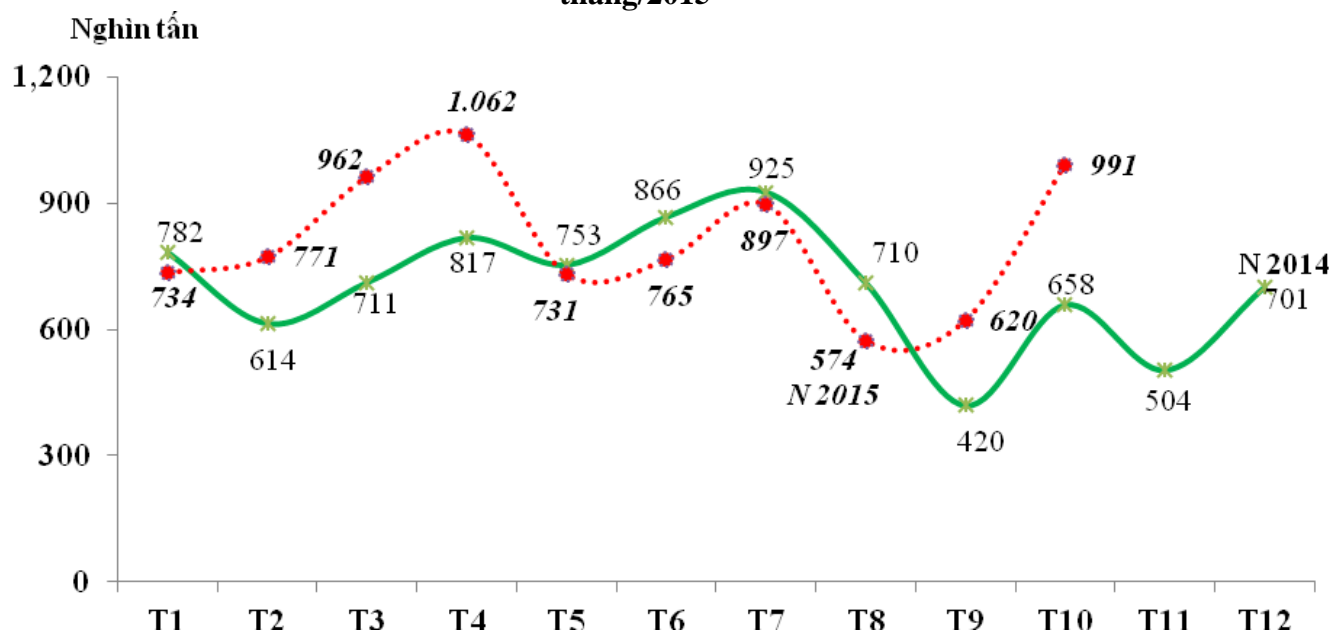
Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 10 tháng qua từ Trung Quốc là 7,71 triệu tấn, tăng mạnh 62,1% và chiếm tới 61,1% tổng lượng nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước.

Sản phẩm từ sắt thép: trong tháng 10/2015, cả nước nhập khẩu hơn 276 triệu USD, giảm 4,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là 3,26 tỷ USD, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 10 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá đạt 1,13 tỷ USD, tăng 39,8%; từ Hàn Quốc là hơn 910 triệu USD tăng 68,7% so với cùng kỳ năm trước,...

Xăng dầu các loại: lượng nhập khẩu trong tháng ở mức cao nhất kể từ tháng 4/2015.

Biểu đồ 3: Lượng nhập khẩu xăng dầu các loại theo tháng trong năm 2014 và 10 tháng/2015



Nguồn: Tổng cục hải quan

Lượng nhập khẩu xăng dầu các loại trong tháng là 991 nghìn tấn, tăng 59,8%. Đơn giá nhập khẩu bình quân tăng 2,4% nên trị giá nhập khẩu là 483 triệu USD, tăng 63,6% so với tháng trước.

Tính đến hết 10 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 8,08 triệu tấn với trị giá là 4,47 tỷ USD, tăng 11,4% về lượng và giảm 33,7% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 10 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapore với 3,09 triệu tấn, tăng 34%; Thái Lan: 1,8 triệu tấn, gấp hơn 3 lần; Trung Quốc: 1,28 triệu tấn, giảm 7,9%; Đài Loan: 743 nghìn tấn, giảm 35,4%... so với 10 tháng/2014.

Chất dẻo nguyên liệu: lượng nhập khẩu trong tháng 10/2015 là gần 379 nghìn tấn, trị giá đạt hơn 538 triệu USD. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là 3,16 triệu tấn, tăng 11,1%, kim ngạch nhập khẩu là 4,89 tỷ USD, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 10 tháng/ 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc đạt 615,6 nghìn tấn, tăng 18,2%; Ả rập Xê út đạt 627 nghìn tấn, tăng nhẹ 0,03%; Đài Loan đạt 467 nghìn tấn tăng 12,5%; Thái Lan đạt gần 313 nghìn tấn, tăng 19,9%... so với cùng kỳ năm 2014.

Sản phẩm chất dẻo: trong tháng 10/2015 sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 329,8 triệu USD giảm 2,9% so với tháng trước. Nhập khẩu mặt hàng này đến trong 10 tháng đầu năm đạt gần 3,11 tỷ USD tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 10 tháng/2015 là 917,62 triệu USD, tăng 38,5 % so với cùng kỳ năm 2014; Trung Quốc là hơn 928 triệu USD, tăng 32,8%; Nhật Bản là gần 514,46 triệu USD tăng nhẹ 0,7%,...

Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày: Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,59 tỷ USD, tăng 4,5% so với tháng trước. Tính đến hết 10 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 15,29 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá vải nhập khẩu là 8,39 tỷ USD, tăng 7,9%; nguyên phụ liệu: 4,22 tỷ USD, tăng 8%; bông là 1,42 tỷ USD, tăng 14,9% và xơ sợi: 1,26 tỷ USD, giảm 2,4%.

Trong 10 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 6,3 tỷ USD, tăng 12,7%; tiếp theo là Hàn Quốc: 2,32 tỷ USD, giảm 1,5%; Đài Loan: 1,98 tỷ USD, tăng 4,1%... so với cùng kỳ năm trước.

Thức ăn gia súc và nguyên liệu: trong tháng 10/2015, kim ngạch nhập khẩu đạt gần 268 triệu USD, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 10 tháng đầu năm đạt 2,82 tỷ USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2014.

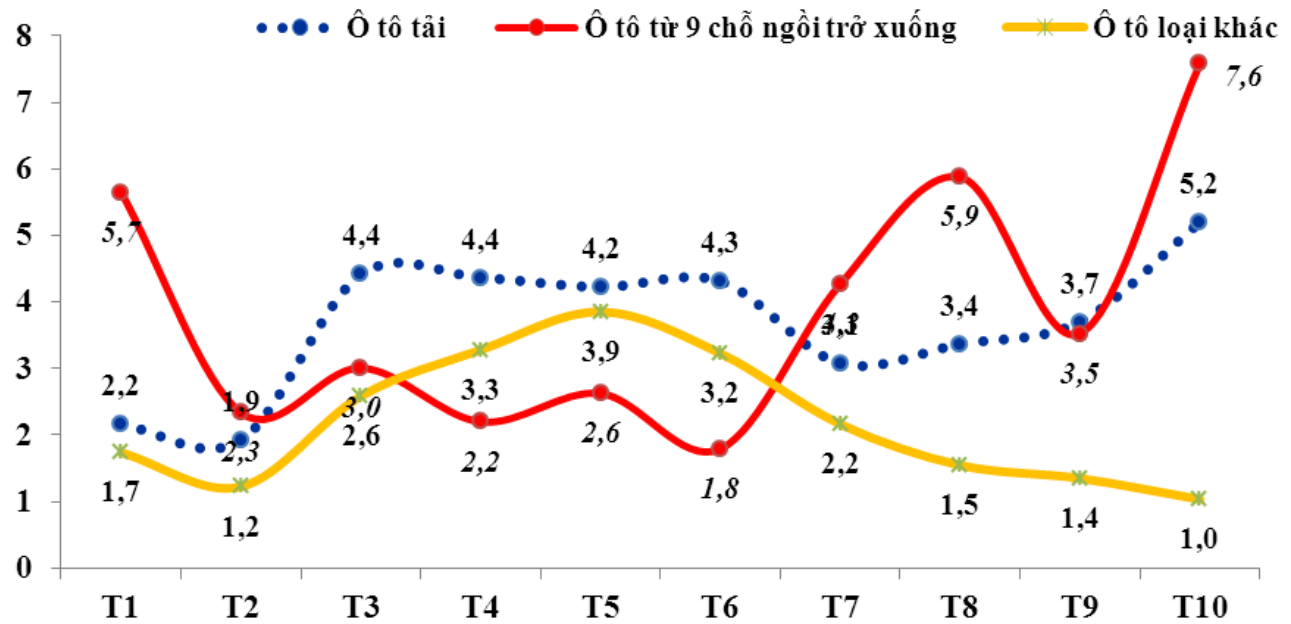
Tính đến hết tháng 10/2015, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ Ác-hen-tina đạt 1,2 tỷ USD, tăng 10,4%; từ Hoa Kỳ là 370,8 triệu USD, tăng 11,7%; từ Braxin là gần 250 triệu USD, tăng 20,8% so với cùng kỳ 2014.

Ô tô nguyên chiếc: lượng nhập khẩu xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống trong tháng đạt mức cao nhất kể từ năm 2010, do các doanh nghiệp tiếp tục tăng nhập khẩu các dòng xe nhỏ, có giá thấp.

Lượng nhập khẩu ô tô nguyên chiếc các loại trong tháng 10/2015 là 13,96 nghìn chiếc, tăng 62,7%, trị giá nhập khẩu là 230 triệu USD, tăng 17,1% so với tháng trước. Trong đó, lượng nhập khẩu ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống đạt 7,58 nghìn chiếc, tăng 115% so với tháng trước và chiếm 55% tổng lượng ô tô nhập khẩu trong tháng.

Biểu đồ 4: Lượng nhập khẩu ô tô nguyên chiếc các loại từ tháng 1 đến tháng 10/2015

Ngàn chiếc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tính từ đầu năm đến hết tháng 10/2015, lượng xe ô tô nguyên chiếc cả nước nhập về là 97,32 nghìn chiếc, tăng mạnh 88,1%, trị giá là 2,33 tỷ USD, tăng mạnh 101,8% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc là thị trường chính cung cấp ô tô nguyên chiếc cho Việt Nam trong 10 tháng/2015 với 21,05 nghìn chiếc, tăng mạnh 115%; tiếp theo là Hàn Quốc: 20,79 nghìn chiếc, tăng 59,3%; Thái Lan: 20,33 nghìn chiếc, tăng 89,8%; Ấn Độ: 17,54 nghìn chiếc, tăng 104,2% ... so với cùng kỳ năm 2014.

Đặc biệt, trong 10 tháng qua, nhập khẩu ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống từ thị trường Ấn Độ đạt gần 17,49 nghìn chiếc, chiếm tới 45% tổng lượng ô tô loại này nhập khẩu của cả nước và tăng 105% so với 10 tháng/2014.

Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 10 và 10 tháng năm 2015

Thông kê Hải quan 19/11/2015 11:00 AM

1. Đánh giá chung

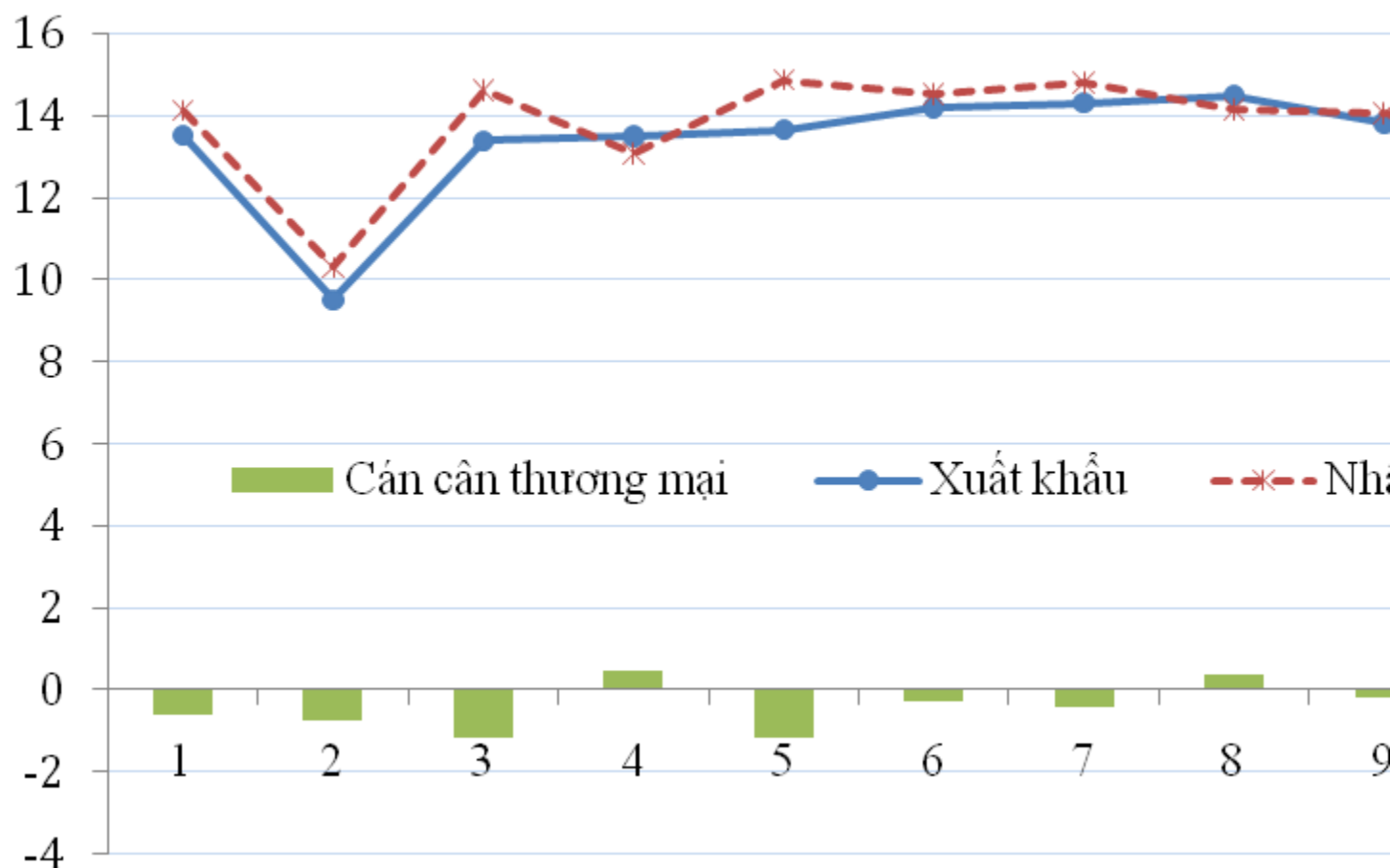
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 10/2015 đạt gần 28,13 tỷ USD, tăng nhẹ 1% so với tháng trước; trong đó trị giá xuất khẩu là 14,31 tỷ USD, tăng 3,6% và trị giá nhập khẩu là 13,81 tỷ USD, giảm 1,6%. Trong tháng 10/2015, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu gần 500 triệu USD, là tháng xuất siêu thứ 3 trong năm 2015 và cũng là tháng có mức xuất siêu cao nhất tính từ đầu năm.

Trong 10 tháng/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt 272,4 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất hàng hóa đạt 134,41 tỷ USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 137,99 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tính đến hết tháng 10/2015, Cán cân thương mại hàng hóa cả nước vẫn thâm hụt 3,58 tỷ USD, ngược lại so với xu hướng thặng dư 2,71 tỷ của 10 tháng/2014.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại từ tháng 1 đến tháng 10 năm

2015

Tỷ USD



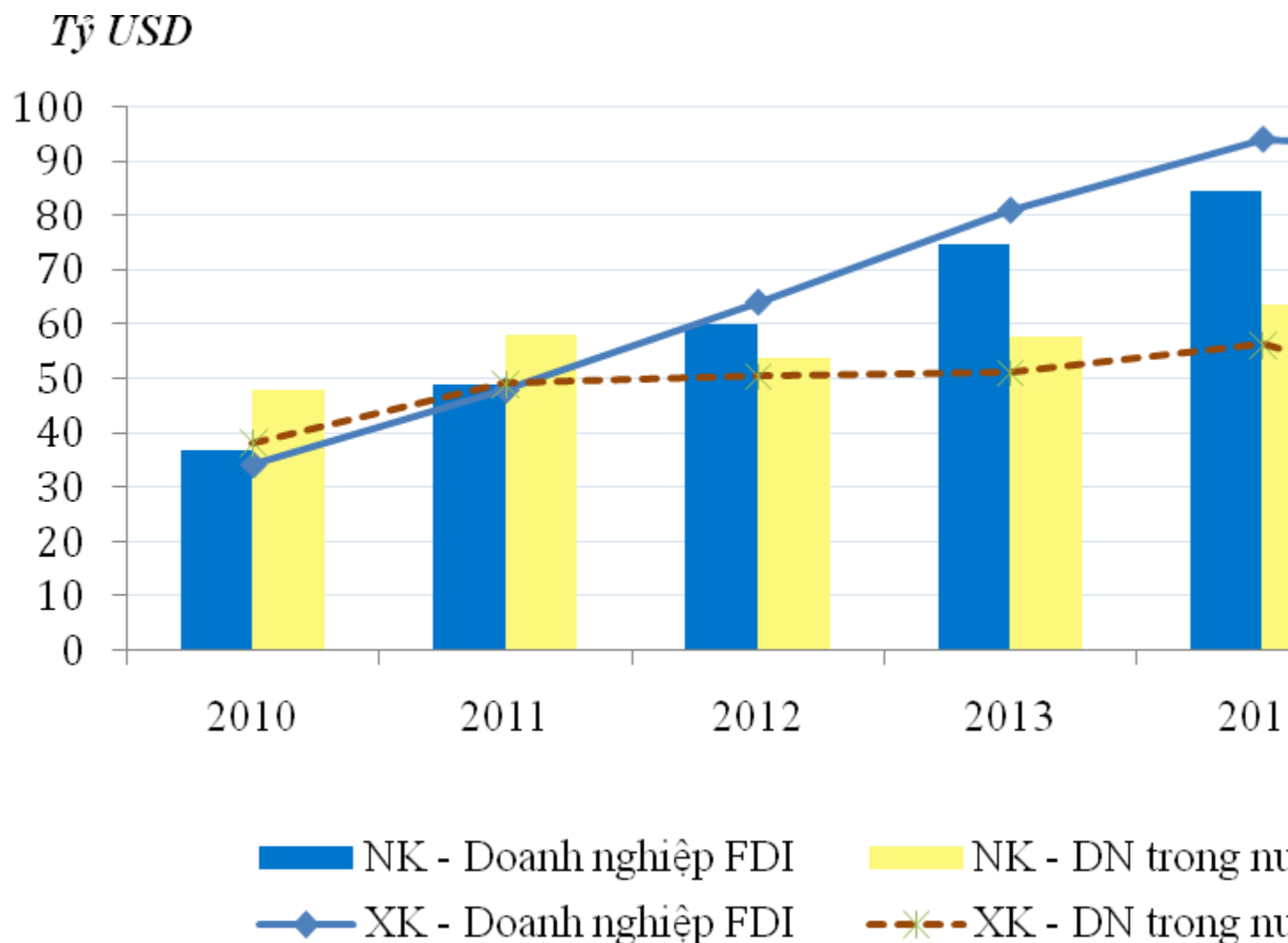
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. Xuất nhập khẩu theo loại hình doanh nghiệp

Tăng trưởng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của khối doanh nghiệp trong nước đều thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng của khối doanh nghiệp FDI.

Tổng trị giá xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong nước trong 10 tháng qua là gần 99,1 tỷ USD, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2014. Trong khi khối các doanh nghiệp FDI đạt tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tới 173,31 tỷ USD, tăng mạnh 18,9%.

Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu theo khối doanh nghiệp từ năm 2010-2014 và 10 tháng/2015



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 10 tháng đầu năm nay, xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước giảm tới 9,7% (kim ngạch là 42,65 tỷ USD) trong khi khối doanh nghiệp FDI vẫn tiếp tục có mức tăng trưởng tốt 19,4% và đạt kim ngạch là 91,76 tỷ USD. Nguyên nhân của sự khác biệt này một phần là do cơ cấu xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước tập trung vào hàng nông sản, nhiên liệu và khoáng sản. Đây là những nhóm hàng gặp nhiều khó khăn về giá cả và thị trường trong thời gian qua. Trong khi đó, khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không ngừng tăng trưởng về quy mô và đẩy mạnh gia công, sản xuất hàng công nghiệp nhẹ, chế biến, lắp ráp.

Nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước trong 10 tháng qua cũng chỉ đạt 56,44 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, trong khi khối doanh nghiệp FDI là 81,55 tỷ và tăng 18,5%.

3. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

Kết thúc 10 tháng/2015, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với hầu hết các châu lục đều tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trừ Châu Đại Dương), trong đó tăng mạnh nhất ở Châu Mỹ (tăng 19,9%) và Châu Phi (tăng 13,9%).

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á 10 tháng/2015 đạt 176,27 tỷ USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2014 và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (64,7%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ đạt kim ngạch 45,97 tỷ USD, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước; với châu Âu đạt 38,75 tỷ USD, tăng 11,4%; châu Đại Dương đạt 4,89 tỷ USD, giảm 16,8%; châu Phi đạt 4,48 tỷ USD, tăng 13,9%.

4. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

Điện thoại các loại & linh kiện: xuất khẩu đạt 25,67 tỷ USD trong 10 tháng/2015 và đóng góp nhiều nhất vào phần tăng kim ngạch xuất khẩu.

Trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 10/2015 đạt 2,67 tỷ USD, giảm 5,7% so với tháng trước (tương ứng giảm gần 160 triệu USD), nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng/2015 lên 25,67 tỷ USD, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm 2014, đóng góp hơn 6 tỷ USD trong số 10 tỷ USD của phần tăng kim ngạch xuất khẩu.

EU là đối tác lớn nhất nhập khẩu nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện từ Việt Nam với trị giá đạt 8,55 tỷ USD, tăng 22,7% và chiếm 33,3% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là các thị trường: các Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 3,89 tỷ USD, tăng 24,6%; Hoa Kỳ: 2,28 tỷ USD, tăng 105,7%; Hồng Kông: 1,22 tỷ USD, tăng 75,8%; Hàn Quốc: 1,19 tỷ USD, tăng hơn 4 lần... so với cùng kỳ năm 2014.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: kim ngạch xuất khẩu trong tháng 10/2015 là 1,47 tỷ USD, tăng 8,2% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 12,81 tỷ USD, tăng 44,7%, trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,58 tỷ USD, tăng 51,3%, sang Hoa Kỳ: 2,34 tỷ USD, tăng 42,2%; Trung Quốc: 2,14 tỷ USD, tăng 23,1%; Hồng Kông: 1,43 tỷ USD, tăng 108,4%... so với cùng kỳ năm trước.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: trong tháng 10/2015, xuất khẩu đạt gần 774 triệu USD, tăng 9,5% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng/2015 lên 6,65 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 10/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ là 1,33 tỷ USD, tăng 26,5%; sang Nhật Bản: 1,16 tỷ USD, giảm 3%; sang Trung Quốc đạt gần 587 triệu USD, tăng 19,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hàng dệt may: xuất khẩu nhóm hàng dệt may trong tháng 10/2015 đạt gần 1,98 tỷ USD, giảm 7,4% so với tháng trước, qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng/2015 lên 18,95 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,51 tỷ USD, tăng 12,3%; sang EU đạt 2,8 tỷ USD, tăng 3,5%; sang Nhật Bản đạt 2,28 tỷ USD, tăng 5,6%. Như vậy, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang 3 thị trường trên đã chiếm tới 75% tổng trị giá xuất khẩu hàng dệt may của cả nước.

Giày dép các loại: kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 959 triệu USD, tăng 18,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 9,7 tỷ USD, tăng mạnh (17%) so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,34 tỷ USD, tăng 24,8% và chiếm 34,4% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,24 tỷ USD, tăng 12,6%; sang Trung Quốc đạt 611 triệu USD, tăng 43,4%; sang Nhật Bản đạt 489 triệu USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2014.

Xơ, sợi dệt các loại: xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt gần 80 nghìn tấn với trị giá gần 208 triệu USD, tăng 1,1% về lượng và 0,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt 796 nghìn tấn, tăng 12,9% và trị giá đạt 2,12 tỷ USD, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 10 tháng đầu năm 2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 412 nghìn tấn tăng 30,9%; sang Hàn Quốc đạt 60,4 nghìn tấn, tăng 7,9%, sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 79 nghìn tấn, giảm 13,3%... so với cùng kỳ năm 2014.

Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù: trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt gần 229 triệu USD, giảm nhẹ 0,4% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng/2015 lên gần 2,4 tỷ USD, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 10 tháng/2015 với hơn 1 tỷ USD, tăng 15,8% so với 10 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá 616 triệu USD, tăng 12,8%; Nhật Bản là 253 triệu USD, tăng 9,8% .

Gỗ & sản phẩm gỗ: xuất khẩu trong tháng đạt 634,5 triệu USD, tăng 12,6% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 10 tháng/2015 lên 5,54 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 10/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 2,15 tỷ USD, tăng 18%; sang Nhật Bản: 832 triệu USD tăng 5,1%; sang Trung Quốc: 740 triệu USD tương đương với mức xuất khẩu cùng kỳ năm 2014.

Dầu thô: kim ngạch xuất khẩu 10 tháng/2015 giảm 3,04 tỷ USD so với 10 tháng/2014.

Trong tháng, lượng xuất khẩu dầu thô là 761 nghìn tấn, tăng khá 10,4% so với tháng trước và trị giá đạt 276 triệu USD, tăng 11,4%. Tính đến hết tháng 10/2015, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt gần 7,7 triệu tấn, tăng nhẹ 1,2% và kim ngạch đạt 3,26 tỷ USD, giảm mạnh 48,3% (do đơn giá xuất khẩu bình quân trong 10 tháng/2015 giảm mạnh 48,9% so với cùng kỳ năm trước).

Dầu thô của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc: 1,47 triệu tấn, tăng 10,8%, sang Singapo: 1,36 triệu tấn, tăng 3 lần; sang Nhật Bản: 1,23 triệu tấn, giảm 27,2%; sang Malaixia: 1,29 triệu tấn, tăng 54,3% so với cùng kỳ năm 2014.

Than đá: lượng than đá xuất khẩu trong 10 tháng/2015 chỉ bằng gần $\frac{1}{4}$ cùng kỳ năm 2014 (tương ứng giảm 4,76 triệu tấn).

Lượng xuất khẩu than đá của cả nước trong tháng đạt 107 nghìn tấn, giảm 23,9% và trị giá đạt 11,42 triệu USD, giảm 22,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, cả nước xuất khẩu 1,53 triệu tấn, giảm mạnh 75,7% và trị giá là 162 triệu USD, giảm 65,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Gạo: xuất khẩu sang Indonexia sau gần 1 năm ở mức rất thấp đã được nối lại với lượng xuất khẩu lên tới 218 nghìn tấn trong tháng 10/2015 (9 tháng/2015 xuất khẩu sang thị trường này chỉ gần 17 nghìn tấn).

Dù đơn giá xuất khẩu tháng 10/2015 giảm so với tháng trước nhưng do lượng tăng mạnh (đạt 859 nghìn tấn, tăng 82,9%) nên trị giá xuất khẩu trong tháng đạt hơn 353 triệu USD, tăng 83,5% so với tháng 9/2015. Tính đến hết tháng 10/2015, lượng xuất khẩu gạo là 5,36 triệu tấn, giảm 3,9% và trị giá đạt 2,28 tỷ USD, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 10 tháng năm 2015, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 1,95 triệu tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 36% tổng lượng xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu gạo sang Philipin giảm mạnh 26,8% về lượng, đạt 919 nghìn tấn; tiếp theo là Malaixia: 476 nghìn tấn, tăng 11,5%; Ghana: 320 nghìn tấn, tăng 16,8%.

Cà phê: lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 10/2015 là 89 nghìn tấn, trị giá đạt 171 triệu USD, tăng 2,6% về lượng và tăng 2,5% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt hơn 1 triệu tấn, trị giá đạt 2,14 tỷ USD, giảm 29,3% về lượng và giảm 31,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2014.

Hàng thủy sản: có trị giá cao nhất kể từ đầu năm do tính thời vụ xuất khẩu.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 676 triệu USD, tăng 7,4% so với tháng trước và là tháng có kim ngạch cao nhất kể từ đầu năm. Tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu trong 10 tháng là 5,43 tỷ USD lại giảm 16,9% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 10 tháng/2015, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường chính đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,07 tỷ USD, giảm 25,2%; EU: 978 triệu USD, giảm 17,2%; Nhật Bản: 848 triệu USD, giảm 13,3%; Hàn Quốc: 160 triệu USD, giảm 13,6%...

5. Một số mặt hàng nhập khẩu chính

Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: trị giá nhập khẩu giảm so với tháng trước, nhưng 10 tháng/2015 vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2014.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,16 tỷ USD, giảm 4,2% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 10 tháng/2015 lên 22,92 tỷ USD, tăng mạnh 25,8% so với 10 tháng/2014. Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 14,45 tỷ USD, tăng 31,4% trong khi khối doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 8,47 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 10 tháng qua với trị giá là 7,43 tỷ USD, tăng 17,2%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 4,26 tỷ USD, tăng mạnh 67,1%; Nhật Bản: 3,87 tỷ USD, tăng 29,7%; Đài Loan: 1,2 tỷ USD, tăng 1,6%... so với cùng kỳ năm 2014.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: nhập khẩu trong tháng 10/2015 tuy có giảm so với tháng trước nhưng vẫn duy trì mức kim ngạch trên 2 tỷ USD/tháng.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,02 tỷ USD, giảm 6,1% so với tháng trước. Tính trong 10 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 19,35 tỷ USD, tăng 28,4%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 17,78 tỷ USD, tăng 29,7% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 1,57 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 5,72 tỷ USD, tăng 37,2%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 4,28 tỷ USD, tăng 15,3%; Nhật Bản: 1,9 tỷ USD, tăng 26,8%; Đài Loan: 1,79 tỷ USD, tăng mạnh 58,3%; Singapo: 1,62 tỷ USD, giảm 16,8%;... so với cùng kỳ năm 2014.

Điện thoại các loại và linh kiện: kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 978 triệu USD tăng 2,5% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 10 tháng/2015 lên 9,12 tỷ USD, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 10 tháng đầu năm chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 5,86 tỷ USD, tăng 14%; Hàn Quốc đạt 2,65 tỷ USD, tăng 83,8%...so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại: nhập khẩu nhóm hàng này từ thị trường Trung Quốc tăng mạnh trong cả tháng 10 và 10 tháng của năm 2015

Nhập khẩu sắt thép của cả nước trong tháng 10 là 1,48 triệu tấn, trị giá là 577 triệu USD, tăng 16,9% về lượng và tăng 3,2% về trị giá so với tháng trước. Trong đó, nhập khẩu từ Trung Quốc trong tháng 10 là 965 nghìn tấn, tăng 25,5%.

Tính đến hết tháng 10/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 12,62 triệu tấn, tăng 34% về lượng. Đơn giá nhập khẩu sắt thép các loại bình quân trong 10 tháng/2015 giảm 25,2% nên trị giá nhập khẩu là 6,28 tỷ USD, chỉ tăng nhẹ 0,3% so với cùng kỳ năm 2014.

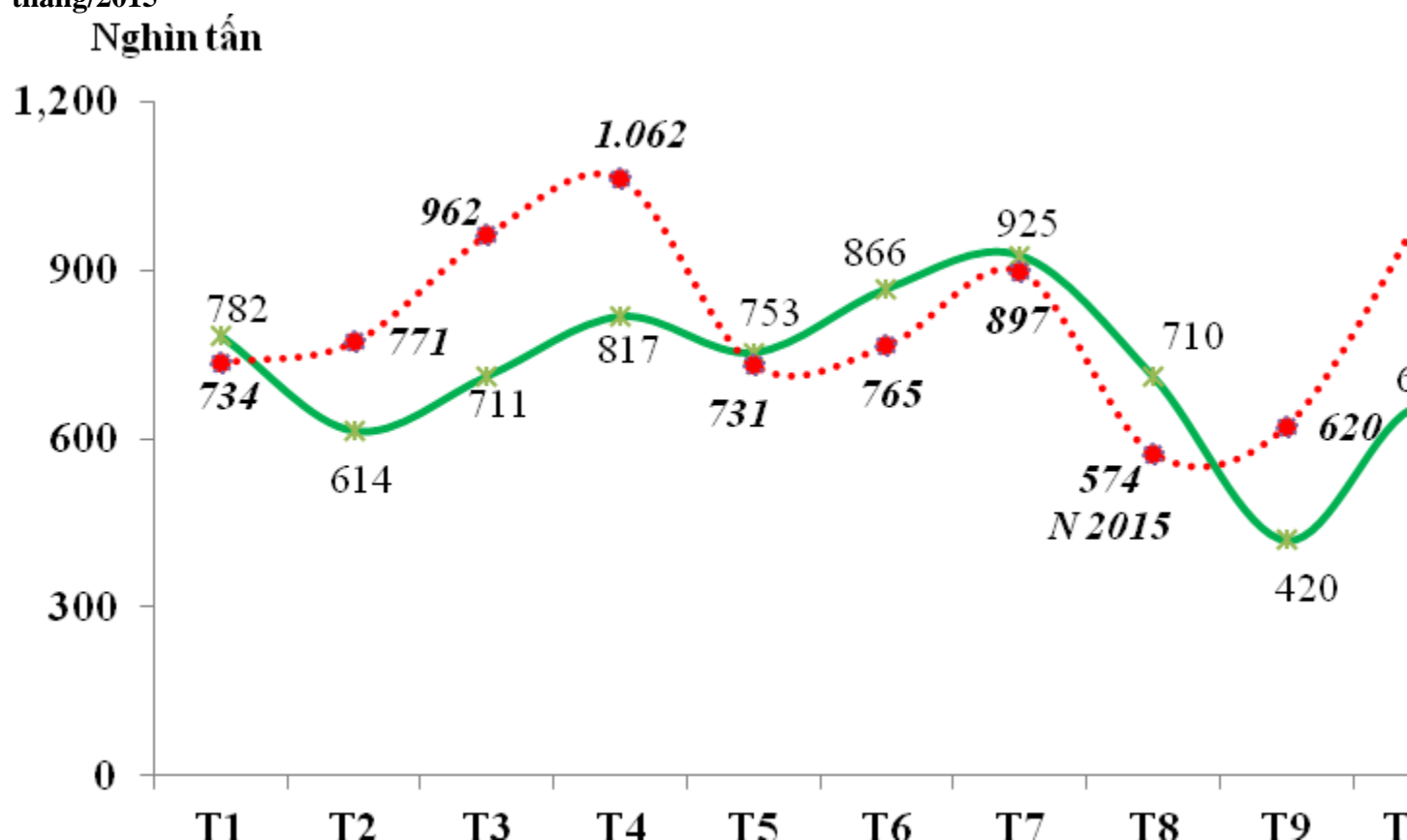
Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 10 tháng qua từ Trung Quốc là 7,71 triệu tấn, tăng mạnh 62,1% và chiếm tới 61,1% tổng lượng nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước.

Sản phẩm từ sắt thép: trong tháng 10/2015, cả nước nhập khẩu hơn 276 triệu USD, giảm 4,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là 3,26 tỷ USD, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 10 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá đạt 1,13 tỷ USD, tăng 39,8%; từ Hàn Quốc là hơn 910 triệu USD tăng 68,7% so với cùng kỳ năm trước,...

Xăng dầu các loại: lượng nhập khẩu trong tháng ở mức cao nhất kể từ tháng 4/2015.

Biểu đồ 3: Lượng nhập khẩu xăng dầu các loại theo tháng trong năm 2014 và 10 tháng/2015



Nguồn: Tổng cục hải quan

Lượng nhập khẩu xăng dầu các loại trong tháng là 991 nghìn tấn, tăng 59,8%. Đơn giá nhập khẩu bình quân tăng 2,4% nên trị giá nhập khẩu là 483 triệu USD, tăng 63,6% so với tháng trước.

Tính đến hết 10 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 8,08 triệu tấn với trị giá là 4,47 tỷ USD, tăng 11,4% về lượng và giảm 33,7% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 10 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapore với 3,09 triệu tấn, tăng 34%; Thái Lan: 1,8 triệu tấn, gấp hơn 3 lần; Trung Quốc: 1,28 triệu tấn, giảm 7,9%; Đài Loan: 743 nghìn tấn, giảm 35,4%... so với 10 tháng/2014.

Chất dẻo nguyên liệu: lượng nhập khẩu trong tháng 10/2015 là gần 379 nghìn tấn, trị giá đạt hơn 538 triệu USD. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là 3,16 triệu tấn, tăng 11,1%, kim ngạch nhập khẩu là 4,89 tỷ USD, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 10 tháng/ 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc đạt 615,6 nghìn tấn, tăng 18,2%; Ả rập Xê út đạt 627 nghìn tấn, tăng nhẹ 0,03%; Đài Loan đạt 467 nghìn tấn tăng 12,5%; Thái Lan đạt gần 313 nghìn tấn, tăng 19,9%... so với cùng kỳ năm 2014.

Sản phẩm chất dẻo: trong tháng 10/2015 sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 329,8 triệu USD giảm 2,9% so với tháng trước. Nhập khẩu mặt hàng này đến trong 10 tháng đầu năm đạt gần 3,11 tỷ USD tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 10 tháng/2015 là 917,62 triệu USD, tăng 38,5 % so với cùng kỳ năm 2014; Trung Quốc là hơn 928 triệu USD, tăng 32,8%; Nhật Bản là gần 514,46 triệu USD tăng nhẹ 0,7%,...

Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày: Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,59 tỷ USD, tăng 4,5% so với tháng trước. Tính đến hết 10 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 15,29 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá vải nhập khẩu là 8,39 tỷ USD, tăng 7,9%; nguyên phụ liệu: 4,22 tỷ USD, tăng 8%; bông là 1,42 tỷ USD, tăng 14,9% và xơ sợi: 1,26 tỷ USD, giảm 2,4%.

Trong 10 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 6,3 tỷ USD, tăng 12,7%; tiếp theo là Hàn Quốc: 2,32 tỷ USD, giảm 1,5%; Đài Loan: 1,98 tỷ USD, tăng 4,1%... so với cùng kỳ năm trước.

Thức ăn gia súc và nguyên liệu: trong tháng 10/2015, kim ngạch nhập khẩu đạt gần 268 triệu USD, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 10 tháng đầu năm đạt 2,82 tỷ USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2014.

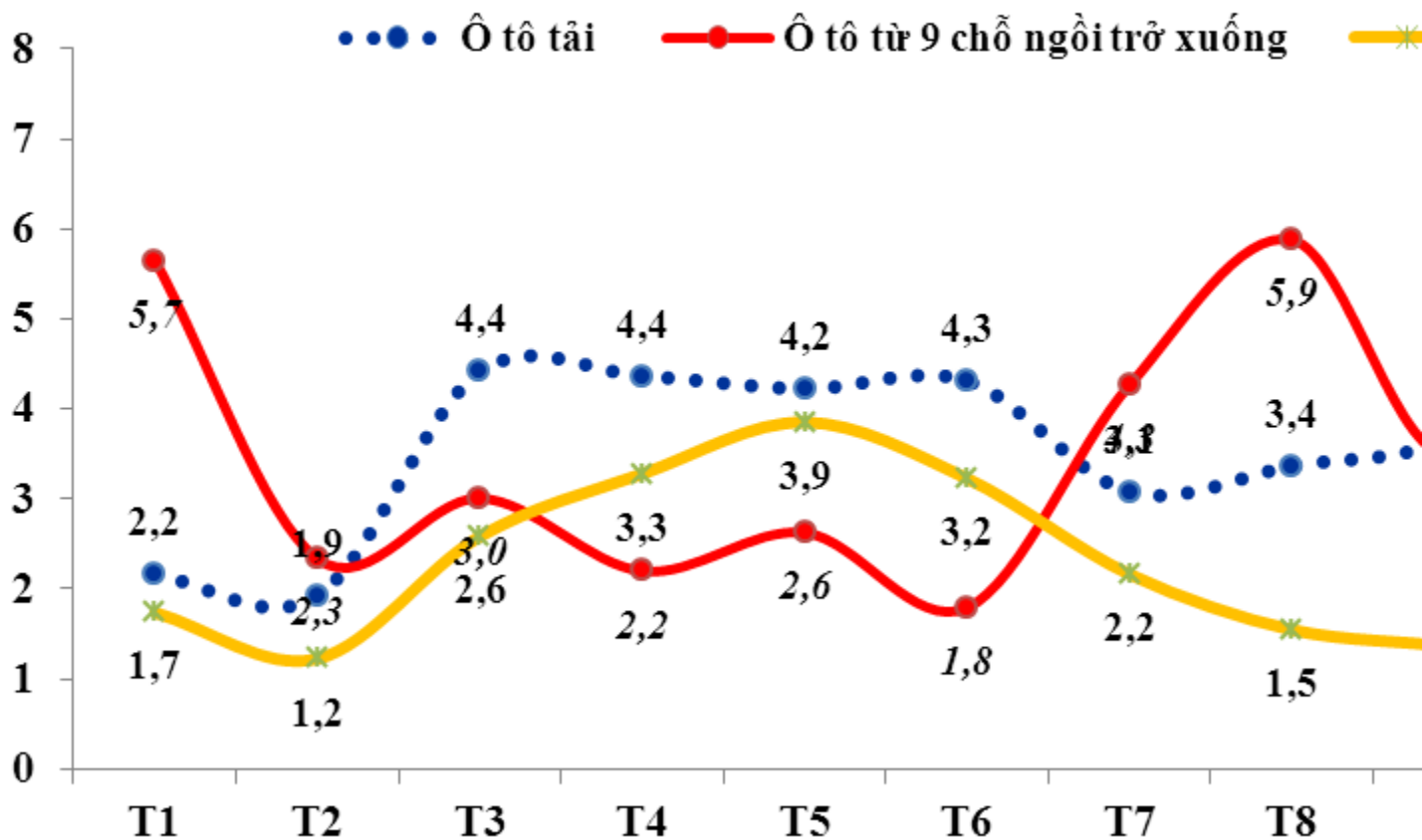
Tính đến hết tháng 10/2015, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ Ác-hen-tina đạt 1,2 tỷ USD, tăng 10,4%; từ Hoa Kỳ là 370,8 triệu USD, tăng 11,7%; từ Braxin là gần 250 triệu USD, tăng 20,8% so với cùng kỳ 2014.

Ô tô nguyên chiếc: lượng nhập khẩu xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống trong tháng đạt mức cao nhất kể từ năm 2010, do các doanh nghiệp tiếp tục tăng nhập khẩu các dòng xe nhỏ, có giá thấp.

Lượng nhập khẩu ô tô nguyên chiếc các loại trong tháng 10/2015 là 13,96 nghìn chiếc, tăng 62,7%, trị giá nhập khẩu là 230 triệu USD, tăng 17,1% so với tháng trước. Trong đó, lượng nhập khẩu ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống đạt 7,58 nghìn chiếc, tăng 115% so với tháng trước và chiếm 55% tổng lượng ô tô nhập khẩu trong tháng.

Biểu đồ 4: Lượng nhập khẩu ô tô nguyên chiếc các loại từ tháng 1 đến tháng 10/2015

Ngìn chiếc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tính từ đầu năm đến hết tháng 10/2015, lượng xe ô tô nguyên chiếc cả nước nhập về là 97,32 nghìn chiếc, tăng mạnh 88,1%, trị giá là 2,33 tỷ USD, tăng mạnh 101,8% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc là thị trường chính cung cấp ô tô nguyên chiếc cho Việt Nam trong 10 tháng/2015 với 21,05 nghìn chiếc, tăng mạnh 115%; tiếp theo là Hàn Quốc: 20,79 nghìn chiếc, tăng 59,3%; Thái Lan: 20,33 nghìn chiếc, tăng 89,8%; Ấn Độ: 17,54 nghìn chiếc, tăng 104,2% ... so với cùng kỳ năm 2014.

Đặc biệt, trong 10 tháng qua, nhập khẩu ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống từ thị trường Ấn Độ đạt gần 17,49 nghìn chiếc, chiếm tới 45% tổng lượng ô tô loại này nhập khẩu của cả nước và tăng 105% so với 10 tháng/2014.

TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2015

Stt		Chỉ tiêu	Số sơ bộ
(A)		(B)	(C)
I		Xuất khẩu hàng hoá (XK)	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 10/2015 (Triệu USD)	14.314
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 9/2015 (%)	3,6
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 10/2014 (%)	13,7
4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 10 tháng/2015 (Triệu USD)	134.410
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 10 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	8,3
II		Nhập khẩu hàng hoá (NK)	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 10/2015 (Triệu USD)	13.814
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 9/2015 (%)	-1,6
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 10/2014 (%)	6,1
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 10 tháng/2015 (Triệu USD)	137.989
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 10 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	13,7
III		Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 10/2015 (Triệu USD)	28.128
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 9/2015 (%)	1,0
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 10/2014 (%)	9,8
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 10 tháng/2015 (Triệu USD)	272.399
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 10 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	11,0
IV		Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)	
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 10/2015 (Triệu USD)	500

17	IV.2	Cán cân thương mại 10 tháng/2015 (Triệu USD)	-3.579
----	------	--	--------

**TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG
HOÁ THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2015**

Stt		Chỉ tiêu	Số sơ bộ
(A)		(B)	(C)
I		Xuất khẩu hàng hoá (XK)	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 10/2015 (Triệu USD)	14.314
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 9/2015 (%)	3,6
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 10/2014 (%)	13,7
4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 10 tháng/2015 (Triệu USD)	134.410
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 10 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	8,3
II		Nhập khẩu hàng hoá (NK)	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 10/2015 (Triệu USD)	13.814
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 9/2015 (%)	-1,6
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 10/2014 (%)	6,1
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 10 tháng/2015 (Triệu USD)	137.989
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 10 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	13,7
III		Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 10/2015 (Triệu USD)	28.128
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 9/2015 (%)	1,0
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 10/2015 so với tháng 10/2014 (%)	9,8

14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 10 tháng/2015 (Triệu USD)	272.399
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 10 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	11,0
IV		Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)	
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 10/2015 (Triệu USD)	500
17	IV.2	Cán cân thương mại 10 tháng/2015 (Triệu USD)	-3.579